

BẢN TIN TUẦN 15

**“Kết quả quan trắc, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi
Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp”**

(ngày lấy mẫu 10-11/05/2023)

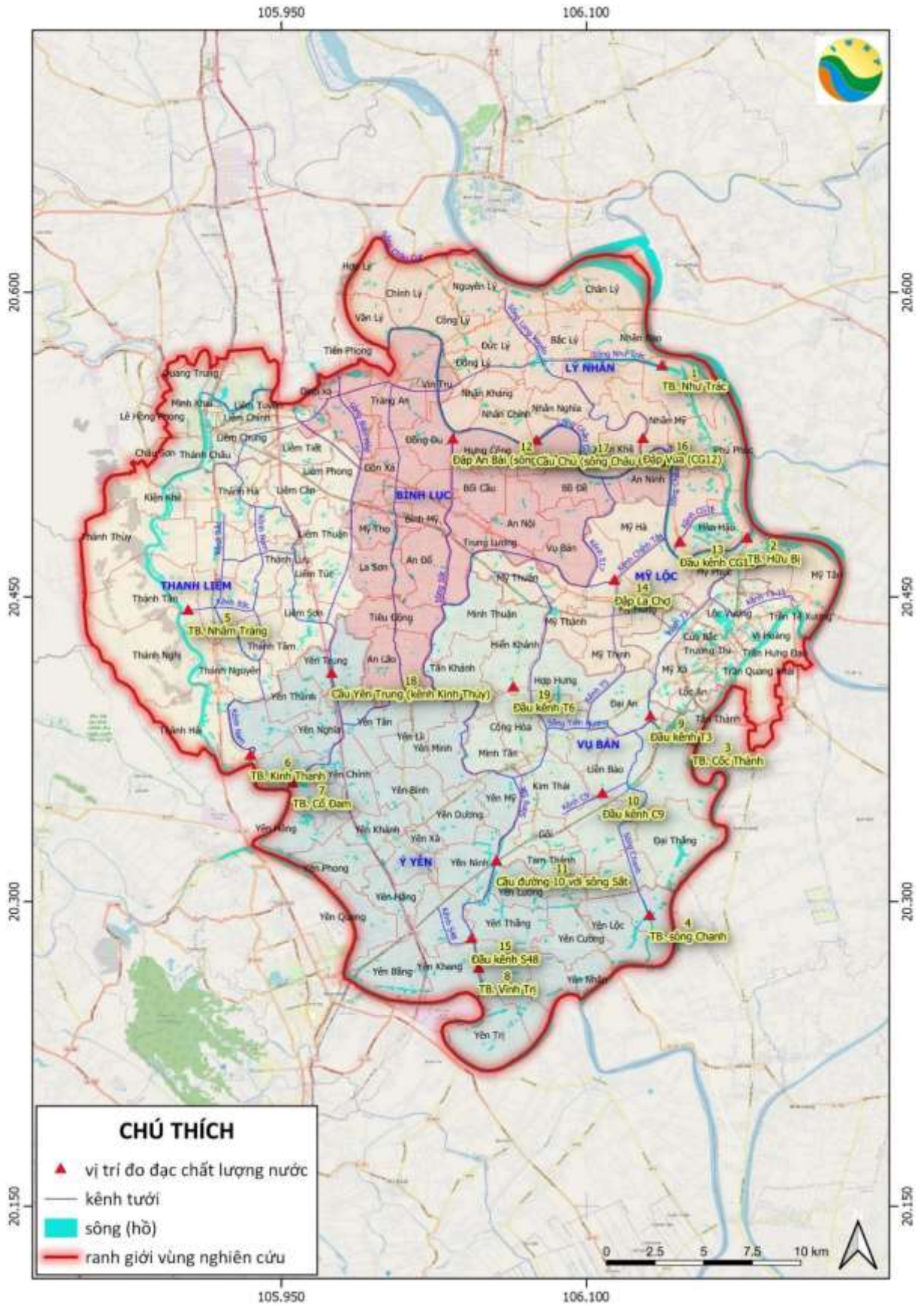
**I. Kết quả giám sát chất lượng nước tuần từ ngày 10/05 đến ngày
16/05/2023**

1. Vị trí giám sát

TT	Tên vị trí lấy mẫu	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí lấy mẫu
1	Cống Như Trác	Sông Hồng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.
2	Cống Hữu Bị		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.
3	Cống Cốc Thành	Sông Đào	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.
4	Cống sông Chanh		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.
5	Cống Nhâm Tràng	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.
6	Cống Kinh Thanh		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm
7	Cống Cổ Đam		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên
8	Cống Vĩnh Trị		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản
9	Đầu kênh T3	Kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành
10	Đầu kênh C9	Sông Chanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.

TT	Tên vị trí lấy mẫu	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí lấy mẫu
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước sông Sắt, tưới tiêu kết hợp khu vực phía nam huyện Ý Yên
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.
13	Đầu kênh CG16		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu
14	Đập La Chợ		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.
15	Đầu kênh S48	Kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.
16	Đập Vùa (CG12)	Kênh Vùa	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kênh Kinh Thủy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	Kênh C19	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.
20	Đầu kênh T6	Kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản

BẢN ĐỒ GIÁM SÁT CLN HỆ THỐNG CTTL BẮC NAM HÀ NĂM 2023



2. Thông tin lúc giám sát

STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm vị trí	Vận hành công trình
1	1	Cống Như Trác	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 63%, mật độ mây 52%, gió Nam 19 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Nước màu xanh lục.	Trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông.
2	2	Cống Hữu Bị	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 45%, gió Nam 13 km/h. Nước màu xanh lục.	Dòng chảy vừa, cống mở, đang tiêu nước ra sông. Trạm bơm không hoạt động.
3	3	Cống Cốc Thành	Trời âm u, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 67%, gió TB 5 km/h. Trên mặt nước có bèo. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy vừa. Cống mở tiêu nước ra sông.
4	4	Cống sông Chanh	Trời âm u, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 33%, gió Nam 9 km/h. Nước màu vàng lục. Trên mặt nước có bèo trôi.	Dòng chảy chậm, cống mở đang tiêu nước ra sông.
5	5	Cống Nhâm Tràng	Trời âm u, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 90%, gió TB 17 km/h. Nước màu vàng lục.	Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông.
6	6	Cống Kinh Thanh	Trời âm u, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 95%, gió TB 17 km/h. Nước màu vàng lục.	Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông.
7	7	Cống Đam Cỏ	Trời âm u, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 95%, gió TB 17 km/h. Nước màu vàng lục.	Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông.
8	8	Cống Vĩnh Trị	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 26%, gió Nam 9 km/h. Nước màu vàng lục. Hạ lưu cống có bèo.	Dòng chảy vừa. Cống mở tiêu nước ra sông, trạm bơm không hoạt động.
9	9	Đầu kênh T3	Trời âm u, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 42%, gió TB 6 km/h. Trên mặt nước có bèo trôi. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy chậm hướng về phía Cốc Thành.
10	10	Đầu kênh C9	Trời âm u, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 42%, gió TB 6 km/h. Nước màu vàng lục.	Không có dòng chảy, nước đứng.
11	11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 26%, gió Nam 9 km/h. Trên mặt nước có bèo. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy chậm về hướng Vĩnh Trị.

STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm vị trí	Vận hành công trình
12	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Trời nắng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 67%, gió Nam 15 km/h. Nước màu vàng lục. Hạ lưu cống dày đặc bèo.	Không có dòng chảy. Đập đóng, mực nước sông Châu Giang cao hơn.
13	13	Đầu kênh CG16	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 67%, mật độ mây 46%, gió Nam 16 km/h. Mực nước cạn. Nước màu vàng đục.	Không có dòng chảy, cống đóng.
14	14	Đập La Chợ	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 44%, gió Nam 13 km/h. Nước màu vàng đục.	Dòng chảy chậm hướng vào nội đồng.
15	15	Đầu kênh S48	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 26%, gió Nam 9 km/h. Trên kênh có nhiều rác thải. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy chậm hướng ra sông Sắt, mực nước thấp.
16	16	Đập Vùa (CG12)	Trời nắng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 63%, mật độ mây 52%, gió Nam 19 km/h. Nước màu vàng lục.	Không có dòng chảy. Đập đóng. Mực nước sông Châu Giang thấp hơn nội đồng.
17	17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Trời nắng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 67%, gió Nam 15 km/h. Trên sông và 2 bên bờ sông có bèo. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy chậm về hướng Hữu Bị.
18	18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Trời âm u, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 89%, gió TB 17 km/h. Trên kênh có bèo trôi. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy chậm về phía Cổ Đàm.
19	19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	Trời âm u, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 42%, gió TB 6 km/h. Hai bên bờ kênh có bèo. Nước màu vàng lục.	Không có dòng chảy, nước đứng.
20	20	Đầu kênh T6	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 44%, gió Nam 13 km/h. Hai bên bờ kênh có bèo. Nước màu vàng đục.	Dòng chảy chậm về ngã ba sông Tiên Hương.

3. Kết quả đo đạc

Số liệu sẽ so sánh với đợt giám sát trước đó (Đ2T4 năm 2023) và cùng kỳ năm ngoái (Đ1T5 năm 2022).

a. Chỉ tiêu DO

TT	Tên vị trí giám sát	Đ1T5/2023	Đ2T4/2023	Đ1T5/2022	Trung bình
1	Cống Như Trác	5,420	7,060	7,200	6,560
2	Cống Hữu Bị	5,200	5,680	5,280	5,387
3	Cống Cốc Thành	5,400	7,100	5,160	5,887
4	Cống sông Chanh	4,250	4,810	4,300	4,453
5	Cống Nhâm Tràng	4,840	4,920	5,610	5,123
6	Cống Kinh Thanh	4,990	4,630	4,960	4,860
7	Cống Cổ Đam	4,730	4,590	6,150	5,157
8	Cống Vĩnh Trị	4,400	4,100	5,820	4,773
9	Đầu kênh T3	4,390	4,540	5,230	4,720
10	Đầu kênh C9	4,600	4,800	4,860	4,753
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	4,260	4,500	5,460	4,740
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	4,560	4,280	4,210	4,350
13	Đầu kênh CG16	4,670	3,760		
14	Đập La Chợ	4,830	4,530	5,670	5,010
15	Đầu kênh S48	4,210	3,180	5,300	4,230
16	Đập Vùa (CG12)	4,410	5,190	5,200	4,933
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	4,400	3,200	4,680	4,093
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	4,320	5,360	4,640	4,773
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	5,200	4,700	4,700	4,867
20	Đầu kênh T6	4,730	4,020	4,790	4,513
Giới hạn B1 QCVN 08-MT: 2015/BTNMT		≥4	≥4	≥4	≥4

b. Chỉ tiêu NO₃⁻

TT	Tên vị trí giám sát	Đ1T5/2023	Đ2T4/2023	Đ1T5/2022	Trung bình
1	Cống Như Trác	1,170	0,612	2,700	1,494
2	Cống Hữu Bị	1,913	0,524	4,163	2,200
3	Cống Cốc Thành	0,720	3,825	2,880	2,475
4	Cống sông Chanh	2,858	4,500	2,813	3,390
5	Cống Nhâm Tràng	0,205	6,975	0,585	2,588
6	Cống Kinh Thanh	0,248	6,750	0,639	2,546
7	Cống Cổ Đam	0,923	6,300	0,547	2,590
8	Cống Vĩnh Trị	0,585	0,459	1,868	0,971
9	Đầu kênh T3	0,540	4,500	3,060	2,700
10	Đầu kênh C9	11,925	4,140	4,433	6,833
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	0,608	0,477	1,076	0,720
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	1,328	0,491	3,533	1,784
13	Đầu kênh CG16	1,463	0,455		
14	Đập La Chợ	0,563	0,578	2,198	1,113
15	Đầu kênh S48	0,608	1,710	1,535	1,284
16	Đập Vùa (CG12)	0,810	0,464	5,850	2,375
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	3,285	0,533	4,185	2,668
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	0,968	4,950	2,160	2,693
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	6,750	0,603	5,288	4,214
20	Đầu kênh T6	0,833	0,491	0,956	0,760
Giới hạn B1 QCVN 08-MT: 2015/BTNMT		10	10	10	10

c. Chỉ tiêu BOD₅

TT	Tên vị trí giám sát	Đ1T5/2023	Đ2T4/2023	Đ1T5/2022	Trung bình
1	Cống Như Trác	13,800	8,200	9,200	10,400
2	Cống Hữu Bị	15,300	13,400	15,400	14,700
3	Cống Cốc Thành	18,500	8,500	20,800	15,933
4	Cống sông Chanh	24,500	20,200	25,900	23,533
5	Cống Nhâm Tràng	19,400	17,900	24,500	20,600
6	Cống Kinh Thanh	24,500	26,500	24,800	25,267
7	Cống Cổ Đam	20,500	21,900	21,500	21,300
8	Cống Vĩnh Trị	22,900	22,700	15,800	20,467
9	Đầu kênh T3	16,900	13,900	26,500	19,100
10	Đầu kênh C9	28,800	21,900	30,400	27,033
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	25,900	25,800	18,700	23,467
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	21,900	24,300	27,700	24,633
13	Đầu kênh CG16	28,900	32,900		
14	Đập La Chợ	22,500	13,700	22,800	19,667
15	Đầu kênh S48	32,500	38,700	29,700	33,633
16	Đập Vùa (CG12)	30,900	28,700	25,800	28,467
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	33,900	35,700	36,800	35,467
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	23,800	24,500	27,700	25,333
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	27,500	29,500	28,500	28,500
20	Đầu kênh T6	27,900	25,800	26,900	26,867
Giới hạn B1 QCVN 08-MT: 2015/BTNMT		15	15	15	15

d. Chỉ tiêu NH₄⁺

TT	Tên vị trí giám sát	Đ1T5/2023	Đ2T4/2023	Đ1T5/2022	Trung bình
1	Cống Như Trác	0,404	0,101	0,117	0,207
2	Cống Hữu Bị	0,365	0,078	0,707	0,383
3	Cống Cốc Thành	0,723	0,124	0,490	0,446
4	Cống sông Chanh	0,474	0,062	0,365	0,300
5	Cống Nhâm Tràng	0,295	0,078	0,280	0,218
6	Cống Kinh Thanh	0,443	0,101	0,381	0,308
7	Cống Cổ Đam	0,559	0,117	0,723	0,466
8	Cống Vĩnh Trị	0,855	0,148	0,210	0,404
9	Đầu kênh T3	1,018	0,062	0,365	0,482
10	Đầu kênh C9	0,179	0,078	0,373	0,210
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	0,932	0,078	0,357	0,456
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	0,552	0,117	0,497	0,389
13	Đầu kênh CG16	1,088	0,303		
14	Đập La Chợ	0,474	0,070	0,365	0,303
15	Đầu kênh S48	3,263	0,179	1,026	1,489
16	Đập Vùa (CG12)	0,559	0,210	0,194	0,321
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	1,142	0,117	0,723	0,661
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	0,629	0,085	0,303	0,339
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	0,583	0,085	0,404	0,357
20	Đầu kênh T6	0,350	0,085	0,396	0,277
Giới hạn B1 QCVN 08-MT: 2015/BTNMT		0,9	0,9	0,9	0,9

Chỉ tiêu DO đợt 1 tháng 5 năm 2023 tăng giảm tùy từng vị trí so với đợt đo trước đó và cùng kỳ năm ngoái. Các vị trí đều đạt tiêu chuẩn để cấp cho thủy lợi.

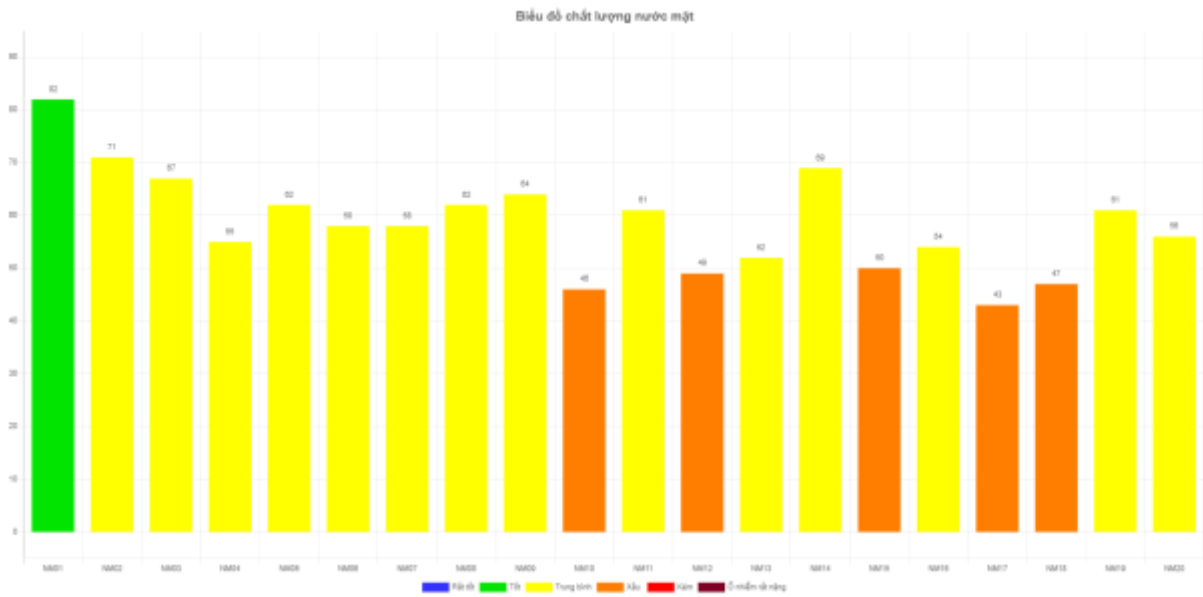
Chỉ tiêu NO₃⁻ đợt 1 tháng 5 năm 2023 tăng giảm tùy từng vị trí so với đợt đo trước đó và cùng kỳ năm ngoái. Các vị trí đều đạt tiêu chuẩn để cấp cho thủy lợi trừ vị trí Đầu kênh C9.

Chỉ tiêu BOD₅ đợt 1 tháng 5 năm 2023 tăng giảm tùy từng vị trí so với đợt đo trước đó và cùng kỳ năm ngoái.

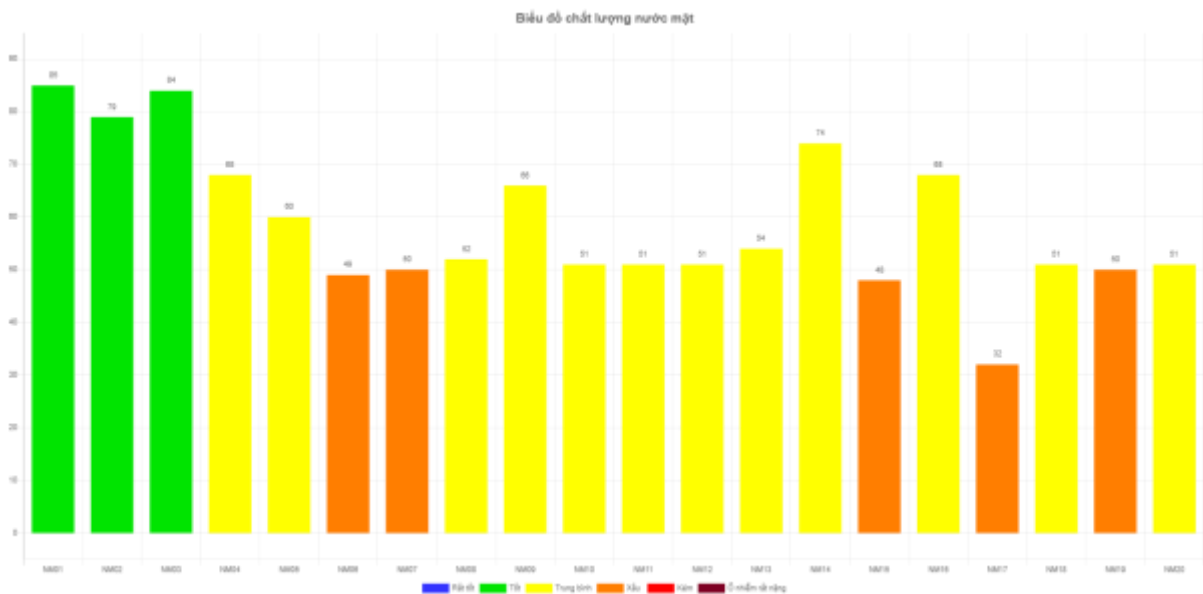
Chỉ tiêu NH₄⁺ đợt 1 tháng 5 năm 2023 tăng giảm tùy từng vị trí so với đợt đo trước đó và cùng kỳ năm ngoái.

4. Kết quả chỉ số chất lượng nước (WQI)

Bản đồ giá trị WQI của đợt 1 tháng 5 năm 2023



Bản đồ giá trị WQI của đợt 2 tháng 4 năm 2023



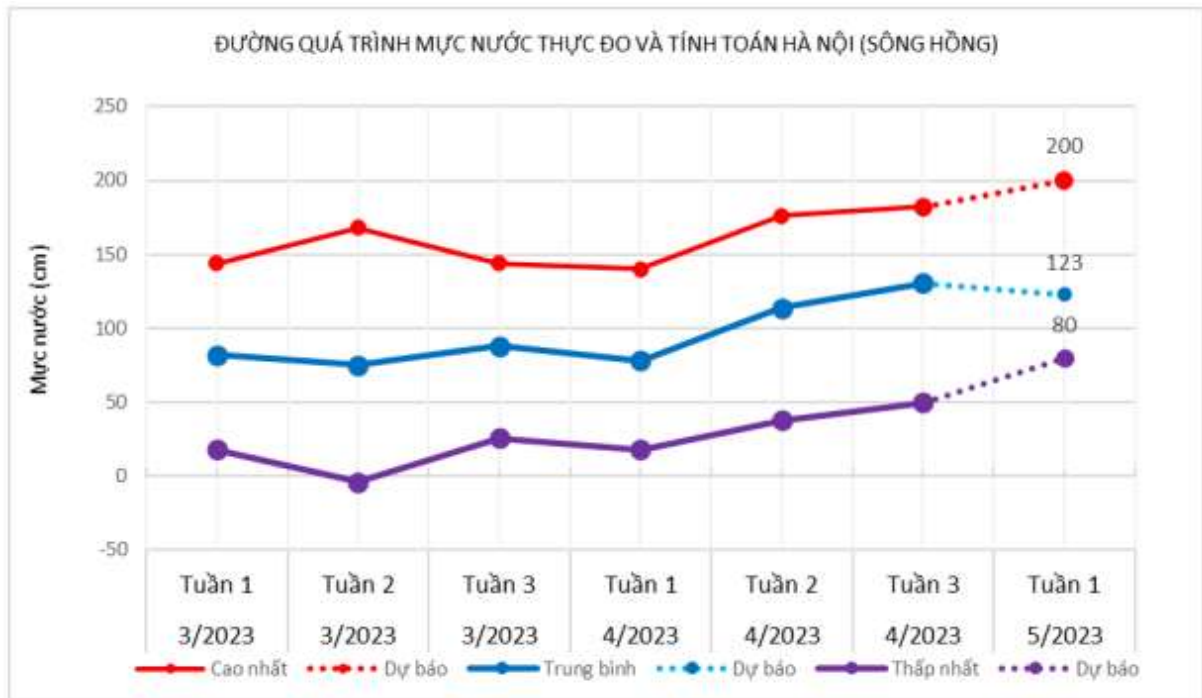
Kết quả tính toán WQI vào đợt 1 tháng 5 năm 2023 tại 20 vị trí khảo sát có thể thấy chất lượng nước Đ1T5 năm 2023 kém hơn so với thời điểm khảo sát trước đó vào Đ2T4. Chỉ số WQI đợt này có 15 vị trí cho nước đạt loại III (100-51) đủ điều kiện cấp cho mục đích tưới tiêu thủy lợi, 5 vị trí cho nước đạt loại IV (50-26) đủ điều kiện cấp cho mục đích giao thông thủy.

II. Dự báo chất lượng nước tuần từ ngày 10/05/2023 đến ngày 16/05/2023

1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần

Dự báo mưa tại Hà Nam, Nam Định từ 10 - 14 mưa dông và mưa rào; Ngày 15 - 16 không mưa.

Trong 10 ngày qua, hạ lưu hệ thống sông Hồng tại Hà Nội biến đổi chậm. Trong 10 ngày tới, mực nước hạ lưu hệ thống sông Hồng sẽ tiếp tục biến đổi chậm.



2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

DO									B1- QCVN 08- 2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		10/05	11/05	12/05	13/05	14/05	15/05	16/05	
Cống Như Trác	5,420	5,367	5,367	5,367	5,367	5,367	5,367	5,367	≥ 4
Cống Hữu Bị	5,200	5,467	5,476	5,490	5,507	5,526	5,547	5,567	≥ 4
Cống Cốc Thành	5,400	5,499	5,500	5,560	5,578	5,590	5,600	5,700	≥ 4
Cống sông Chanh	4,250	4,325	4,326	4,328	4,330	4,332	4,333	4,334	≥ 4
Cống Nhâm Tràng	4,840	4,704	4,704	4,704	4,704	4,704	4,704	4,704	≥ 4
Cống Kinh Thanh	4,990	5,115	5,100	5,086	5,073	5,063	5,056	5,054	≥ 4
Cống Cỏ Đam	4,730	4,953	4,979	5,031	5,106	5,198	5,299	5,404	≥ 4
Cống Vĩnh Trị	4,400	4,482	4,492	4,501	4,516	4,531	4,542	4,551	≥ 4
Đầu kênh T3	4,390	4,395	4,406	4,417	4,426	4,434	4,440	4,445	≥ 4
Đầu kênh C9	4,600	4,510	4,505	4,683	4,832	4,951	4,044	4,118	≥ 4
Cầu đường 10 với sông Sắt	4,260	4,171	4,295	4,406	4,504	4,589	4,658	4,710	≥ 4
Đập An Bài (sông Châu Giang)	4,560	4,447	4,565	4,569	4,746	4,881	4,999	5,107	≥ 4
Đầu kênh CG 16	4,670	4,607	4,617	4,516	4,602	4,670	4,722	4,760	≥ 4
Đập La Chợ	4,830	4,750	4,750	4,750	4,750	4,750	4,750	4,750	≥ 4
Đầu kênh S48	4,210	4,146	4,153	4,277	4,405	4,526	4,637	4,737	≥ 4
Đập Vùa (CG12)	4,410	4,468	4,525	4,580	4,632	4,680	4,725	4,766	≥ 4
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	4,400	4,244	4,273	4,307	4,342	4,376	4,409	4,439	≥ 4
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	4,320	4,420	4,420	4,420	4,420	4,420	4,420	4,420	≥ 4
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	5,200	5,284	5,237	5,266	5,283	5,293	5,301	5,307	≥ 4
Đầu kênh T6	4,730	4,803	4,798	4,677	4,737	4,779	4,807	4,826	≥ 4

NO₃⁻									B1- QCVN 08- 2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		10/05	11/05	12/05	13/05	14/05	15/05	16/05	
Cổng Như Trác	1,170	1,179	1,179	1,179	1,179	1,179	1,179	1,179	≤ 10
Cổng Hữu Bị	1,913	1,846	1,839	1,824	1,802	1,876	1,846	1,817	≤ 10
Cổng Cốc Thành	0,720	0,996	0,997	0,997	0,997	0,997	0,997	0,998	≤ 10
Cổng sông Chanh	2,858	2,787	2,794	2,683	2,654	2,709	2,752	2,786	≤ 10
Cổng Nhâm Tràng	0,205	0,304	0,304	0,304	0,304	0,304	0,304	0,304	≤ 10
Cổng Kinh Thanh	0,248	0,328	0,308	0,208	0,245	0,276	0,299	0,315	≤ 10
Cổng Cỏ Đam	0,923	0,886	0,831	0,832	0,893	0,925	0,741	0,552	≤ 10
Cổng Vĩnh Trị	0,585	0,606	0,692	0,674	0,646	0,620	0,699	0,681	≤ 10
Đầu kênh T3	0,540	0,412	0,522	0,627	0,713	0,782	0,838	0,883	≤ 10
Đầu kênh C9	11,925	11,916	11,873	11,957	11,692	11,480	11,313	11,182	≤ 10
Cầu đường 10 với sông Sắt	0,608	0,540	0,605	0,694	0,508	0,351	0,227	0,135	≤ 10
Đập An Bài (sông Châu Giang)	1,328	1,367	1,358	1,284	1,461	1,712	1,493	1,293	≤ 10
Đầu kênh CG 16	1,463	1,465	1,454	1,467	1,309	1,185	1,093	1,027	≤ 10
Đập La Chợ	0,563	0,500	0,500	0,500	0,500	0,500	0,500	0,500	≤ 10
Đầu kênh S48	0,608	0,558	0,564	0,741	0,513	0,295	0,196	0,218	≤ 10
Đập Vùa (CG12)	0,810	0,766	0,820	0,890	0,908	1,185	1,428	1,642	≤ 10
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	3,285	3,328	3,310	2,983	2,953	2,922	2,893	2,867	≤ 10
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	0,968	0,900	0,900	0,900	0,900	0,900	0,900	0,900	≤ 10
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	6,750	6,893	6,803	6,752	6,723	6,705	6,692	6,683	≤ 10
Đầu kênh T6	0,833	0,758	0,879	1,135	1,029	0,957	0,909	0,878	≤ 10

BOD₅									B1- QCVN 08- 2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		10/05	11/05	12/05	13/05	14/05	15/05	16/05	
Cống Như Trác	13,800	8,413	8,413	8,413	8,413	8,413	8,413	8,413	≤ 15
Cống Hữu Bị	15,300	13,292	13,273	13,221	13,137	13,028	12,905	12,777	≤ 15
Cống Cốc Thành	18,500	8,602	8,602	8,602	8,602	8,602	8,602	8,602	≤ 15
Cống sông Chanh	24,500	20,356	20,362	20,369	20,373	20,377	20,379	20,381	≤ 15
Cống Nhâm Tràng	19,400	16,768	16,768	16,768	16,768	16,768	16,768	16,768	≤ 15
Cống Kinh Thanh	24,500	26,807	26,553	26,198	26,331	26,444	26,532	26,591	≤ 15
Cống Cỏ Đam	20,500	21,728	21,564	21,244	21,783	21,219	21,595	21,952	≤ 15
Cống Vĩnh Trị	22,900	22,431	22,414	22,366	22,272	22,178	22,101	22,033	≤ 15
Đầu kênh T3	16,900	14,115	14,106	14,094	14,082	14,072	14,062	14,053	≤ 15
Đầu kênh C9	28,800	22,141	21,955	21,859	20,939	20,202	20,624	20,169	≤ 15
Cầu đường 10 với sông Sắt	25,900	26,222	26,284	26,425	26,650	26,979	26,430	26,008	≤ 15
Đập An Bài (sông Châu Giang)	21,900	25,815	25,170	23,869	22,699	21,769	20,931	20,159	≤ 15
Đầu kênh CG 16	28,900	33,129	33,267	32,490	32,815	32,264	32,844	32,538	≤ 15
Đập La Chợ	22,500	13,900	13,900	13,900	13,900	13,900	13,900	13,900	≤ 15
Đầu kênh S48	32,500	38,987	38,333	38,574	38,792	38,043	38,359	38,746	≤ 15
Đập Vùa (CG12)	30,900	29,306	29,334	29,314	29,274	29,225	29,172	29,116	≤ 15
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	33,900	35,606	35,448	35,252	35,038	35,822	35,615	35,422	≤ 15
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	23,800	24,700	24,700	24,700	24,700	24,700	24,700	24,700	≤ 15
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	27,500	30,011	29,564	29,310	29,165	29,076	29,014	29,968	≤ 15
Đầu kênh T6	27,900	26,428	26,683	26,053	25,564	25,219	24,989	24,836	≤ 15

NH ₄ ⁺									B1- QCVN 08- 2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		10/05	11/05	12/05	13/05	14/05	15/05	16/05	
Cống Như Trác	0,404	0,458	0,458	0,458	0,458	0,458	0,458	0,458	≤ 0,9
Cống Hữu Bị	0,365	0,314	0,317	0,318	0,316	0,313	0,308	0,303	≤ 0,9
Cống Cốc Thành	0,723	0,760	0,760	0,760	0,760	0,760	0,760	0,760	≤ 0,9
Cống sông Chanh	0,474	0,496	0,495	0,493	0,492	0,492	0,491	0,491	≤ 0,9
Cống Nhâm Tràng	0,295	0,373	0,373	0,373	0,373	0,373	0,373	0,373	≤ 0,9
Cống Kinh Thanh	0,443	0,348	0,359	0,370	0,381	0,390	0,399	0,406	≤ 0,9
Cống Cỏ Đam	0,559	0,658	0,655	0,647	0,634	0,617	0,597	0,576	≤ 0,9
Cống Vĩnh Trị	0,855	0,949	0,944	0,940	0,933	0,927	0,923	0,919	≤ 0,9
Đầu kênh T3	1,018	1,209	1,215	1,217	1,218	1,218	1,218	1,218	≤ 0,9
Đầu kênh C9	0,179	0,243	0,205	0,267	0,234	0,207	0,387	0,371	≤ 0,9
Cầu đường 10 với sông Sắt	0,932	0,853	0,894	0,840	0,892	0,849	0,814	0,887	≤ 0,9
Đập An Bài (sông Châu Giang)	0,552	0,637	0,790	0,703	0,631	0,580	0,535	0,495	≤ 0,9
Đầu kênh CG 16	1,088	1,478	1,424	1,376	1,333	1,298	1,271	1,250	≤ 0,9
Đập La Chợ	0,474	0,740	0,740	0,740	0,740	0,740	0,740	0,740	≤ 0,9
Đầu kênh S48	3,263	3,622	3,603	3,580	3,554	3,529	3,506	3,485	≤ 0,9
Đập Vùa (CG12)	0,559	0,678	0,689	0,697	0,702	0,706	0,707	0,708	≤ 0,9
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	1,142	1,514	1,507	1,498	1,488	1,477	1,466	1,456	≤ 0,9
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	0,629	0,600	0,600	0,600	0,600	0,600	0,600	0,600	≤ 0,9
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	0,583	0,602	0,571	0,553	0,543	0,537	0,533	0,530	≤ 0,9
Đầu kênh T6	0,350	0,364	0,318	0,278	0,246	0,223	0,208	0,198	≤ 0,9

Kết quả dự báo DO trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT.

Kết quả dự báo NO₃⁻ trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trừ Đầu kênh C9.

Hàm lượng BOD₅ trong kỳ dự báo đạt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trừ Cổng Như Trác, Hữu Bị, Cốc Thành, Đầu kênh T3, Đập La Chợ.

Kết quả dự báo NH₄⁺ trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trừ Cổng Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, CG16, S48, Cầu Chủ.

III. Các đề xuất, kiến nghị

1. Nhận xét

Số liệu dự báo cũng cho thấy các điểm vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trong 7 ngày dự báo nhiều hơn so với tuần 14.

2. Đề xuất

Đề nghị Công ty KTCTTL Bắc Nam Hà tiếp tục tận dụng triều để trao đổi nước sông và trong hệ thống. Mở các cống để tiêu nước ra sông.

3. Dự báo chung

Với dự báo lượng mưa và mực nước như dự báo ở trên thì mức độ ô nhiễm chất lượng nước trong HTCTTL Bắc Nam Hà sẽ tăng. Hàm lượng các thông số như BOD₅, NH₄⁺, NO₃⁻ sẽ có xu hướng tăng, hàm lượng Oxy hòa tan trong nước sẽ có xu hướng giảm./.

Nơi nhận:

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

- Cục Thủy lợi;
- Viện kỹ thuật TNN;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Thủy lợi Bắc Nam Hà;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.